

Số 204/ĐHTDM-ĐTĐH

V/v Xây dựng Chương trình đào tạo đại học
chính quy 2 giai đoạn khóa tuyển sinh 2020

Bình Dương, ngày 06 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc trường.

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ,

Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một yêu cầu các Trưởng Khoa/Giám đốc chương trình đào tạo tiến hành xây dựng chương trình đào tạo đại học chính quy 2 giai đoạn theo hướng dẫn dưới đây:

I. Các nguyên tắc chung:

1. Chương trình đào tạo phải thể hiện các giá trị cốt lõi của trường Đại học Thủ Dầu Một: *Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo (ARC)*

Cụ thể, các nội dung môn học được thiết kế trong Chương trình đào tạo 2 giai đoạn (gọi chung là CTĐT) cần thể hiện được tinh thần cơ bản dưới đây:

Khát vọng (Aspiration): Xây dựng cho sinh viên ý thức, khát vọng học tập suốt đời; có tinh thần phấn đấu trong học tập để vươn lên đỉnh cao của tri thức và những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

Trách nhiệm (Responsibility): Xây dựng cho sinh viên có thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, Tổ quốc, với cộng đồng xã hội và nhân loại; có tính cộng tác và có đạo đức nghề nghiệp.

Sáng tạo (Creativity): Xây dựng cho sinh viên có ý thức đổi mới, có tư duy sáng tạo, có năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng đáp ứng yêu cầu của xã hội, phục vụ cho sự phát triển chung của xã hội và sự phát triển của con người.

2. Chương trình đào tạo đảm bảo¹:

- Theo định hướng ứng dụng của Trường.
- Bám sát chuẩn đầu ra của chuyên ngành và ngành/nhóm ngành.
- Chương trình đào tạo thiết kế bao gồm các hình thức học:
 - + Học lý thuyết.
 - + Học trên mô hình, mô phỏng.
 - + Bài tập thực tế/thực hành, thực tập tại xưởng, phòng thí nghiệm trong trường.

¹ Tham khảo phụ lục 1

- + Bài tập ứng dụng/thực hành, thực tập ngoài trường, thực tập doanh nghiệp.
- Các học phần trong hai giai đoạn được bố trí linh hoạt, phù hợp, đảm bảo cân bằng cho người học và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

II. Các yêu cầu cụ thể:

1. Thời gian

- Thời gian năm học: 3 học kỳ/năm học, trong đó:
 - + Học kỳ 1: 14 tuần học.
 - + Học kỳ 2: 14 tuần học.
 - + Học kỳ 3: 12 tuần học.
- Thời gian đào tạo:
 - + Đối với hệ cử nhân: 4 năm (12 học kỳ)
 - + Đối với hệ kỹ sư, kiến trúc sư: 4,5 năm (14 học kỳ)
- Thời gian giai đoạn 1:
 - + 5 học kỳ (1.1 → 2.2) đối với hệ cử nhân.
 - + 6 học kỳ (1.1 → 2.3) đối với hệ kỹ sư/kiến trúc sư.
- Thời gian giai đoạn 2:
 - + 7 học kỳ (2.3 → 4.3) đối với hệ cử nhân.
 - + 8 học kỳ (2.4 → 5.2) đối với hệ kỹ sư/kiến trúc sư.

Năm	Thứ 1			Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5	
HK	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2
Cử nhân	← Giai đoạn 1 →					← Giai đoạn 2 →							Tốt nghiệp	
Kỹ sư, kiến trúc sư	← Giai đoạn 1 →					← Giai đoạn 2 →								Tốt nghiệp

2. Khối lượng kiến thức

- Hệ cử nhân: 133 tín chỉ (120 tín chỉ kiến thức ngành nghề + 8 tín chỉ kiến thức Giáo dục quốc phòng – an ninh (QPAN) + 5 tín chỉ kiến thức giáo dục thể chất (GDTC)).
- Hệ kỹ sư, kiến trúc sư: 163 tín chỉ (150 tín chỉ kiến thức ngành nghề + 8 tín chỉ kiến thức QPAN + 5 tín chỉ kiến thức GDTC).

Khối lượng tín chỉ toàn khóa được cơ bản bố trí trải đều trong toàn khóa học (12/14 học kỳ). Bình quân mỗi kỳ có số tín chỉ tương ứng là 11,08 tín chỉ đối với hệ cử nhân (CN),

11,6 tín chỉ đối với hệ kỹ sư/kiến trúc sư (KS). Các chương trình tự cân đối cho phù hợp nhưng không quá 14 tín chỉ/1 học kỳ để đảm bảo thời gian sinh viên tiếp thu kiến thức, tự học, tự nghiên cứu. Riêng học kỳ 1.1 bố trí cố định 10 tín chỉ, học kỳ cuối bố trí học phần báo cáo tốt nghiệp/đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Cụ thể như sau:

Loại kiến thức	Khối lượng tín chỉ	Bình quân trên học kỳ
Kiến thức chung toàn trường	18 tín chỉ	1,5 tín chỉ (CN), 1,3 tín chỉ (KS)
Kiến thức cơ sở ngành/ khối ngành/liên ngành	30 - 35 tín chỉ (CN), 50 - 55 tín chỉ (KS)	3,0 tín chỉ (CN), 4,0 tín chỉ (KS)
Kiến thức chuyên ngành	67 - 72 tín chỉ (CN), 77 - 72 tín chỉ (KS)	5,6 tín chỉ (CN), 5,5 tín chỉ (KS)
Kiến thức điều kiện xét tốt nghiệp (QPAN; GDTC)	13 tín chỉ	1,1 tín chỉ (CN), 1,0 tín chỉ (KS)
TỔNG	133 tín chỉ (CN), 163 tín chỉ (KS)	11,08 tín chỉ (CN), 11,6 tín chỉ (KS)

3. Các học phần, modun kiến thức, chuyên đề kiến thức.

- Kiến thức chung toàn trường: 18 tín chỉ

- + Triết học Mác – Lênin: 3 tín chỉ
- + Kinh tế chính trị Mác – Lê nin: 2 tín chỉ
- + Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ
- + Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ
- + Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 tín chỉ
- + Tư duy biện luận ứng dụng: 2 tín chỉ
- + Nghiên cứu khoa học: 3 tín chỉ
- + Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ: 2 tín chỉ.

- Kiến thức điều kiện xét tốt nghiệp: bao gồm các học phần giáo dục Quốc phòng an ninh 8 tín chỉ (5 tín chỉ lý thuyết, 3 tín chỉ thực hành); giáo dục thể chất 5 tín chỉ (2 tín chỉ lý thuyết, 3 tín chỉ thực hành).

- Kiến thức cơ sở ngành/khối ngành/liên ngành: khối lượng tín chỉ lý thuyết **tối đa 70%**.

- Kiến thức chuyên ngành: khối lượng tín chỉ lý thuyết **tối đa 60%**.

- Học phần: có 2 loại gồm lý thuyết dạng (x+0) có số tín chỉ từ 1-3 tín chỉ; thực hành/thực tập dạng (0+x) có số tín chỉ từ 1-5 tín chỉ.

- Học phần thực tập cơ sở/doanh nghiệp: bố trí tại các học kỳ 3 của năm học, học kỳ cuối của khóa học; số lượng, thời lượng thực tập **tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của ngành**.

- Học phần có trong chương trình đào tạo phải có đóng góp cụ thể cho chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (trong đó có đóng góp ít nhất 02 Elos).

- Học phần Báo cáo tốt nghiệp/Đồ án, khóa luận tốt nghiệp được bố trí vào học kỳ cuối cùng của khoá học.

- Khuyến khích các chương trình đào tạo xây dựng modul kiến thức (phục vụ nghề nghiệp) được tích hợp từ các học phần (từ 2-4 học phần) và có khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn nhằm tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng được khối kiến thức này để phục vụ cho công việc trong thực tiễn. Đồng thời các sinh viên/học viên thuộc ngành khác/trường khác cũng có thể đăng ký học riêng để phục vụ công việc.

- Khuyến khích các chương trình liên kết với nhau để tích hợp các modul kiến thức thành những chuyên đề nghề nghiệp, từ đó cấp Chứng chỉ cho người học.

4. Khung phân bổ học phần

TT	Học kỳ	Số tín chỉ bình quân		Học phần
		Cử nhân	Kỹ sư	
1	1.1 ¹	10	10	- Nhập môn ngành (bắt buộc) - Các học phần thuộc khối ngành/cơ sở ngành/liên ngành
2	1.2 ²	11	11	- Nghiên cứu khoa học - Giáo dục thể chất (lý thuyết) - Các học phần thuộc khối ngành/cơ sở ngành/liên ngành
3	1.3	11	12	- Giáo dục quốc phòng an ninh (hoàn thành cả lý thuyết và thực hành) - Các học phần thuộc khối ngành/cơ sở ngành/liên ngành
4	2.1	11	12	- Tư duy biện luận ứng dụng - Các học phần thuộc khối ngành/cơ sở ngành/liên ngành - Các học phần thuộc chuyên ngành (???)
5	2.2	12	12	- Triết học Mác – Lênin - Giáo dục thể chất (thực hành) - Các học phần thuộc khối ngành - Các học phần thuộc chuyên ngành (???)
6	2.3	12	12	- Kinh tế chính trị Mác – Lê nin - Các học phần thuộc khối ngành/cơ sở ngành/liên ngành - Các học phần thuộc chuyên ngành (???) - Thực tập cơ sở/doanh nghiệp (???)

¹ Do chính sách học phí đầu khoá nên số tín chỉ của học kỳ này là 10 tín chỉ.

² Từ học kỳ này số tín chỉ từ 11-14 tín chỉ.

7	3.1	11	12	- Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ - Các học phần thuộc khối ngành/cơ sở ngành/liên ngành - Các học phần thuộc chuyên ngành (???)
8	3.2	11	12	- Chủ nghĩa xã hội khoa học - Các học phần thuộc khối ngành/cơ sở ngành/liên ngành - Các học phần thuộc chuyên ngành (???)
9	3.3	11	12	- Các học phần thuộc khối ngành/cơ sở ngành/liên ngành - Các học phần thuộc chuyên ngành (???) - Thực tập cơ sở/doanh nghiệp (???)
10	4.1	11	12	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Các học phần thuộc chuyên ngành (???)
11	4.2	11	12	- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Các học phần thuộc chuyên ngành (???)
12	4.3	11	12	- Các học phần thuộc chuyên ngành (???) - Thực tập cơ sở/doanh nghiệp (???) - Báo cáo tốt nghiệp
13	5.1		12	- Các học phần thuộc chuyên ngành (???) - Thực tập cơ sở/doanh nghiệp (???)
14	5.2		12	- Các học phần thuộc chuyên ngành (???) - Thực tập cơ sở/doanh nghiệp (???) - Báo cáo tốt nghiệp
TỔNG		133	163	

Lưu ý:

- Số liệu ở khung phân bổ học phần là có tính chất định hướng chung, trong quá trình xây dựng các đơn vị tùy tình hình thực tế có thể linh hoạt điều chỉnh trong các giới hạn cho phép.

- Các học phần chung toàn trường được bố trí theo thứ tự Triết học Mác – Lênin → Kinh tế chính trị Mác – Lê nin → Chủ nghĩa xã hội khoa học → Tư tưởng Hồ Chí Minh → Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Các học phần điều kiện xét tốt nghiệp (lý thuyết trước, thực hành sau).

5. Tiến độ thực hiện:

- Trường khối ngành (theo vb số 146/ĐHTDM-ĐTĐH ngày 23/3/2020) chủ trì họp với các giám đốc chương trình đào tạo có liên quan thực hiện các nội dung sau:

+ Giới thiệu danh sách các học phần, modun học phần thuộc giai đoạn 1.

+ Thời gian hoàn thành: 15/5/2020.

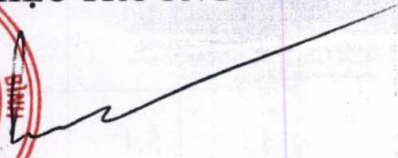
- + Đảm bảo các yêu cầu nêu tại các mục I, II, theo mẫu ở **phụ lục 2**.
- Giám đốc Chương trình chủ trì họp với các giảng viên có liên quan thực hiện các nội dung sau:
 - + Giới thiệu danh sách các học phần, modul học phần thuộc giai đoạn 2.
 - + Thời gian hoàn thành: 15/6/2020.
 - + Đảm bảo các yêu cầu nêu tại các mục I, II, theo mẫu ở **phụ lục 3**.
- Phòng Đào tạo đại học chủ trì, phối hợp các Chương trình hoàn thành việc thẩm định Chương trình đào tạo khóa 2020 trước ngày 15/7/2020. Trình Hiệu trưởng ban hành trước ngày 30/7/2020.

Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trường triển khai thực hiện nghiêm túc văn bản này./. 

Nơi nhận:

- CTHĐT và các PHT;
- Như trên;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

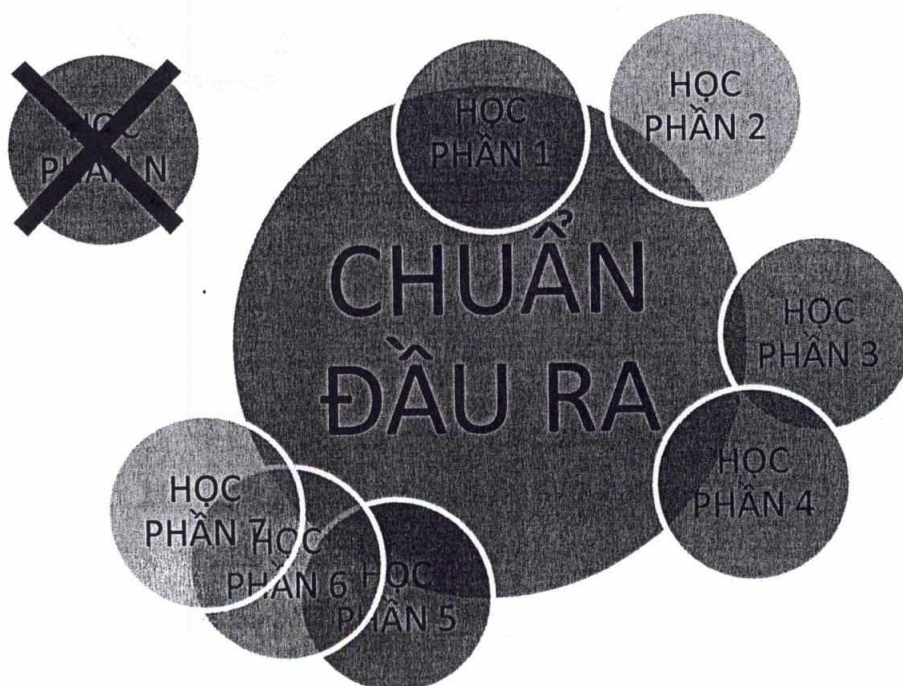

TS. Ngô Hồng Điệp



PHỤ LỤC 1



Hình 1: Lược đồ xây dựng Chương trình đào tạo



Hình 2: Mối liên hệ giữa học phần và chuẩn đầu ra



PHỤ LỤC 2

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KHỐI NGÀNH THUỘC KHOA: ...

GIỚI THIỆU DANH SÁCH HỌC PHẦN, MODUN HỌC PHẦN THUỘC GIAI ĐOẠN 1 (áp dụng cho khoá tuyển sinh 2020)

Căn cứ Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các ngành trong khối đã được phê duyệt;

Căn cứ biên bản thống nhất xây dựng học phần, modun học phần;

Chúng tôi giới thiệu danh sách học phần, modun học phần của giai đoạn 1 thuộc khối ngành khoa ... như sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	A	2	0	x					
2	B	2	0	x		Không			
3	B	3	0	x					
4	C	2	0	x		Không			
5	E	2	0	x					
6	F	2	0	x		Không			
TỔNG									

Thành phần xây dựng, giới thiệu các học phần, modun học phần cũng ký tên xác nhận.

Ngày..... tháng..... năm 2020

GIÁM ĐỐC CHƯƠNG TRÌNH
(ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC CHƯƠNG TRÌNH
(ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC CHƯƠNG TRÌNH
(ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC CHƯƠNG TRÌNH
(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHỐI NGÀNH
(ký, ghi rõ họ tên)



PHỤ LỤC 3

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KHOA:

GIỚI THIỆU DANH SÁCH
HỌC PHẦN, MODUN HỌC PHẦN THUỘC GIAI ĐOẠN 2
(áp dụng cho khoá tuyển sinh 2020)

Căn cứ Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các ngành trong khối đã được phê duyệt;

Căn cứ biên bản thống nhất xây dựng học phần, modun học phần;

Chúng tôi giới thiệu danh sách học phần, modun học phần của giai đoạn 2 thuộc khối ngành khoa ... như sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	A	2	0	x					
2	B	2	0	x		Không			
3	B	3	0	x					
4	C	2	0	x					
5	E	2	0	x					
6	F	2	0	x		Không			
TỔNG.									

Ngày..... tháng..... năm 2020

TRƯỞNG KHỐI NGÀNH
(ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC CHƯƠNG TRÌNH
(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA
(ký, ghi rõ họ tên)



PHỤ LỤC 4¹

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MẪU NÀY ÁP DỤNG CHO D20

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHTDM ngày ... tháng ... năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Tên chương trình: ...
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: ...
Mã ngành: ...
Loại hình đào tạo: Chính quy
Khóa: 2020 – 2024

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chương trình (POs)

Đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng, có kiến thức và kỹ năng căn bản ???

- **Giai đoạn 1:** Mục đích??? Nhiệm vụ??? Đạt được gì???
- **Giai đoạn 2:** Mục đích??? Nhiệm vụ??? Đạt được gì???

Cụ thể:

TT	Nội dung
1	- PO1: Nhận diện, phân tích, thiết kế và phát triển ???
2	- PO2: Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và tham gia ???
3	- PO3: Tự đào tạo để đáp ứng ???
4	- PO4:???
5	- PO5:???
...	...

1.2 Chuẩn đầu ra (ELOs)

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể:

Thứ tự chuẩn đầu ra	Tên gọi chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chung toàn trường	Chuẩn đầu ra của Chương trình	
			Thứ tự	Nội dung

¹ Mẫu này đã được tập thể chuyên gia kiểm định; lãnh đạo Khoa, Chương trình đào tạo thống nhất thông qua.

Elo1 - T	Kiến thức	- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. - Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. - Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. - Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	Elo...	
			Elo...	
			Elo...	
			Elo...	
Elo2 - T	Kỹ năng	- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. - Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. - Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. - Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. - Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. - Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	Elo...	
			Elo...	
			Elo...	
			Elo...	
			Elo...	

Elo3 - T	Mức tự chủ và trách nhiệm	- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Elo...	
		- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	Elo...	
		- Tự định hướng , đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Lập kế hoạch , điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	Elo...	

Bảng: Sự tương thích giữa ELOs và Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu giáo dục (POs)	Các ELOs đóng góp cho PO		
	Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
PO1	ELO 1, 2, 3	ELO 6, 7, 8	ELO 9
PO2		ELO 4, 5, 6, 7	
PO3		ELO 6, 7	ELO 9,10
...			

Bảng: Bảng phân loại ELOs

ELOs	ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
Giai đoạn ...	X			X	X	X			X	X
Giai đoạn ...		X	X				X	X		

1.3. Cơ hội việc làm:

- Sinh viên tốt nghiệp ???;
- Thực hiện công tác ???
- Làm nghiên cứu, giảng dạy ???
- Có thể học lên sau đại học ???

1.4.Trình độ ngoại ngữ, tin học: Theo qui định về chuẩn đầu ra của Trường

1.5. Bằng cấp: Cử nhân

2. Thời gian đào tạo: 12 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 tín chỉ/163 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, trúng tuyển trong tuyển sinh của trường Đại học Thủ Dầu Một.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường.

6. Thang điểm: Theo quy chế hiện hành về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường.

7. Nội dung chương trình

Cấu trúc chương trình đào tạo

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		
				...		
				Kiến thức cơ sở liên ngành	Kiến thức chuyên ngành	Thực tập, thực tế và làm khóa luận/báo cáo tốt nghiệp
Đại học	... học kỳ	...	...	...	...	...
GIAI ĐOẠN 1				GIAI ĐOẠN 2		

GIAI ĐOẠN I

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: ... TC (Bắt buộc: ... TC, Tự chọn: ... TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	A	2	0	30	60	90	x				1	
2	B	2	0	30	60	90	x		Không		1	
Tổng												
5	B	3	0	45	90	135	x		Không		2	
6	C	2	0	30	60	90	x		Không		2	
Tổng												
8	E	2	0	30	60	90	x		Không		3	
9	F	2	0	30	60	90	x		Không		3	
Tổng												
TỔNG												

7.2. Kiến thức cơ sở liên ngành: ... TC (Bắt buộc: ... TC, Tự chọn: ... TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ	Loại học phần	Điều kiện	Học kỳ	Elos
----	--------------	------------	--------	---------------	-----------	--------	------

		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	A	2	0	30	60	90	x				1	
2	B	2	0	30	60	90	x		Không		1	
Tổng												
5	B	3	0	45	90	135	x		Không		2	
6	C	2	0	30	60	90	x		Không		2	
Tổng												
8	E	2	0	30	60	90	x		Không		3	
9	F	2	0	30	60	90	x		Không		3	
Tổng												
TỔNG												

GIẢI ĐOẠN II

7.3 Kiến thức chuyên ngành: ... TC (Bắt buộc: ... TC; Tự chọn: ... TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	A	2	0	30	60	90	x				1	
2	B	2	0	30	60	90	x		Không		1	
Tổng												
5	B	3	0	45	90	135	x		Không		2	
6	C	2	0	30	60	90	x		Không		2	
Tổng												
8	E	2	0	30	60	90	x		Không		3	
9	F	2	0	30	60	90	x		Không		3	
Tổng												
TỔNG												

7.4. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp: 19 TC (Bắt buộc: 19 TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	A	2	0	30	60	90	x				1	
2	B	2	0	30	60	90	x		Không		1	
Tổng												
5	B	3	0	45	90	135	x		Không		2	
6	C	2	0	30	60	90	x		Không		2	
Tổng												
8	E	2	0	30	60	90	x		Không		3	
9	F	2	0	30	60	90	x		Không		3	
Tổng												
TỔNG												

8. Kế hoạch giảng dạy

8.1 Học kỳ ... : ... TC (... TC bắt buộc + ... TC tự chọn)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos	Giai đoạn
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	A	2	0	30	60	90	x						
2	B	2	0	30	60	90	x		Không				
Tổng													
5	B	3	0	45	90	135	x		Không				
6	C	2	0	30	60	90	x		Không				
Tổng													
8	E	2	0	30	60	90	x		Không				
9	F	2	0	30	60	90	x		Không				
Tổng													

TỔNG												
-------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

...

9. Tổng quát:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần					
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn				
TỔNG			?	?	?	?							

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Ngô Hồng Điệp